



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-813 (26.1716)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-813	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	10,07	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,48	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,83	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,94	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIAM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-814 (26.1716)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng CN
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
5. Mô tả mẫu/ Description : MẪU ĐỰNG TRONG 2 CHAI 0,5 LÍT Ở ĐIỀU KIỆN THƯỜNG
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-814	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,95	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,06	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,96	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-815 (26.1716)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-815	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,00301	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,45	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,15	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,83	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-816 (26.1716)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-816	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,88	15
4	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,00264	0,01
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,27	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,7	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM

XÉT NGHIỆM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

(Signature)

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-817 (26.1717)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-817	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Mùi(*)	HPL,GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,46	0,2 ÷ 1
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,79	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,21	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM

XÉT NGHIỆM

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-818 (26.1717)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-818	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,8	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,85	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,22	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-819 (26.1717)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Dương-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-819	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,45	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,85	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,23	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-821 (26.1717)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-821	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,94	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,44	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,47	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026
BỘ Y TẾ
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-820 (26.1717)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hồ chứa - Na Dương-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-820	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,25	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,56	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,35	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-822 (26.1717)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-822	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,26	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-823 (26.1718)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-823	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	9,8	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,8	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-824 (26.1718)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-824	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,14	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,73	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,58	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-825 (26.1719)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Thân Muội ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-825	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,002	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	4,52	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,76	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	6,24	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-826 (26.1719)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Thân Muội CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-826	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,00256	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,72	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,94	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	7,13	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Diệu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-827 (26.1719)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-827	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	8,49	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,03	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	6,84	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-828 (26.1719)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-828	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,85	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,18	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	6,18	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

[Signature]

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-829 (26.1720)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tràng Định ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Tràng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 34 đường Nà Nghều, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-829	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,36	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,36	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,12	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

(Signature)

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-830 (26.1720)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tràng Định CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Tràng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 34 đường Nà Nghều, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-830	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,36	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,79	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

BỘ Y TẾ
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-831 (26.1721)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-831	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,96	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,39	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,38	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



(Signature)

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-832 (26.1721)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-832	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,42	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,47	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-833 (26.1721)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập ĐN
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-833	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	9,26	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,41	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-834 (26.1721)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-834	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,49	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,51	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-835 (26.1722)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-835	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,003	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	4,1	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,33	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,58	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-836 (26.1722)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-836	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,25	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,59	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-837 (26.1722)

- Tên mẫu/ Name of sample : Đầu nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-837	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	4,03	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,42	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,43	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,96	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-838 (26.1722)

- Tên mẫu/ Name of sample : Cuối nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-838	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,00307	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,41	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,93	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

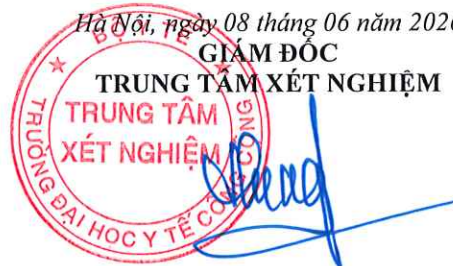
Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-839 (26.1722)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đông Đăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đông Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đông Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2605-839	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	4,45	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,39	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,86	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-840 (26.1722)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đông Đăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đông Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đông Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-840	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,96	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,1	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM

XÉT NGHIỆM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-841 (26.1723)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-841	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	8,49	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,82	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,92	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM

XÉT NGHIỆM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-842 (26.1723)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-842	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	9,28	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,88	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

[Signature]

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



[Signature]

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-843 (26.1724)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-843	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,36	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,63	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,09	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-845 (26.1724)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-845	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,67	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,01	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-846 (26.1724)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-846	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,73	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,97	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-844 (26.1724)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - SVD-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-844	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,64	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,95	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
*TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-861 (26.1725)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T4+H8
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2605-861	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,98	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,33	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,22	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,36	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-862 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T4+H8+ NM Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-862	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,26	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,43	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-847 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm HI
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-847	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,75	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,35	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	3,4	2
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,44	1
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	12,57	11

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT & MTLĐ

[Signature]

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-848 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H1
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-848	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	11,56	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,25	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	3,05	2
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,49	1
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	12,19	11

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-849 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D3+ Nhà Tâm
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-849	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	14,07	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
5	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,53	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-850 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D3+ Nhà Tâm
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-850	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,81	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,98	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-851 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-851	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	9,78	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
5	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,57	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,76	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-852 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-852	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,55	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,7	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-853 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-853	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,28	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,75	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-854 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-854	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	21,76	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,25	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,38	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-855 (26.1725)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H10
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-855	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,68	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,4	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,13	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,27	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu



TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-856 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H10 + H12
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-856	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	11,59	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,12	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-857 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm Nước mặt Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-857	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	11,41	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,4	0,2 ÷ 1
5	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,71	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-858 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-858	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,25	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,15	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

(Signature)

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-859 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2605-859	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,62	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,33	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,26	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,24	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT & MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-860 (26.1725)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H3
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/05/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 27/05/2026 – 08/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-860	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	24,84	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,2	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,23	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,13	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT & MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.